

Nhóm H

Xi măng - Thuật ngữ và định nghĩa

Cements - Terminology and definitions

Tiêu chuẩn này phù hợp với ST SEV 4772 - 1984

Thuật ngữ	Định nghĩa
1	2
1. Xi măng	Vật liệu kết dính dùng cho xây dựng ở dạng bột có tính chất thuỷ lực bao gồm clanhke, khi cần thiết có cả thạch cao, các chất chứa thạch cao và phụ gia
2. Clanhke xi măng Clanhke	Sản phẩm thu được bằng cách nung đến kết khối hay nóng chảy hỗn hợp các nguyên liệu chủ yếu chứa canxi silicat và (hoặc) canxi aluminat
3. Clanhke có thành phần định mức	Clanhke có thành phần khoáng đúng theo qui định của tiêu chuẩn
4. Clanhke xi măng poocăng	Clanhke chủ yếu gồm canxi silicat độ kiềm cao cũng như aluminat và canxi alumoferit
5. Clanhke alumin	Clanhke chủ yếu gồm canxi aluminat độ kiềm thấp
6. Khoáng clanhke	Hợp chất nhân tạo có thành phần tỉ trọng chính là tinh thể cơ bản của các pha clanhke
7. Thành phần khoáng chất Clanhke	Hàm lượng các khoáng cơ bản của Clanhke, được xác định bằng tính toán dựa trên các số liệu phân tích hoá học
8. Pha Clanhke	Phần hợp thành của Clanhke ở dạng các dung dịch rắn trên cơ sở các khoáng Clanhke, các ôxit riêng biệt hoặc thuỷ tinh
9. Thành phần pha của Clanhke	Hàm lượng các pha chính của Clanhke, xác định bằng các phương pháp phân tích hoá lí
10. Phụ gia xi măng	Vật liệu đưa vào xi măng nhằm đạt được các chỉ tiêu chất lượng nhất định
11. Phụ gia khoáng hoạt tính cho xi măng	Phụ gia đưa vào xi măng ở dạng nghiền mịn có tính chất thuỷ lực hoặc pudôlan
12. Phụ gia đay cho xi măng	Phụ gia đưa vào xi măng ở dạng vật liệu vô cơ, thực tế không tham gia vào quá trình hydrat hoá xi măng nhưng cải thiện thành phần cỡ hạt và (hoặc) cấu trúc đá xi măng
13. Phụ gia đặc biệt cho xi măng	Phụ gia đưa vào xi măng tạo cho xi măng các tính chất đặc biệt, thí dụ trang trí v.v...
14. Phụ gia trợ nghiền xi măng	Phụ gia đưa vào xi măng nhằm cải thiện quá trình công nghệ nghiền
15. Sự nhào trộn xi măng	Sự nhào trộn xi măng với nước
16. Hồ xi măng	Hỗn hợp dẻo của xi măng và nước
17. Đá xi măng	Vật liệu tạo nên khối đóng rắn hồ xi măng và có độ bền
18. Vữa xi măng tiêu chuẩn	Hỗn hợp của xi măng, cát chuẩn để thử xi măng và nước theo tỉ lệ định mức để thử xi măng

19. Độ nghiêng mịn của xi măng	Đặc tính phân tán bột xi măng, biểu thị bằng tỉ lệ phần trăm khối lượng phần còn lại (hay lọt qua) trên một sàng hoặc nhiều sàng kiểm tra, hoặc bằng trị số bề mặt riêng của bột xi măng, xác định theo phương pháp thẩm không khí
20. Tính chất thuỷ lực của xi măng	Khả năng của xi măng sau khi nhào trộn tự cứng lại trong không khí và trong nước
21. Các tính chất pudolan của phụ gia xi măng	Khả năng của phụ gia khoáng hoạt tính đưa vào xi măng khi có vôi và nước thì thể hiện tính chất thuỷ lực
22. Kị nước hoá cho xi măng	Sự nâng cao ổn định của xi măng đối với tác động nước của không khí bằng cách đưa vào các phụ gia đặc biệt
23. Thành phần chất liệu của xi măng	Hàm lượng các phần hợp thành trong xi măng, tính bằng phần trăm khối lượng
24. Tỉ lệ nước - xi măng	Tỉ lệ của khối lượng nước nhào trộn và khối lượng xi măng
25. Độ dẻo chuẩn của hồ xi măng	Tỉ lệ nước - xi măng, tính theo phần trăm, khi đạt được độ dẻo chuẩn của hồ xi măng
26. Lượng nước yêu cầu của xi măng	Tỉ lệ nước - xi măng khi vữa xi măng đạt độ linh động chuẩn
27. Sự hoá dẻo của xi măng	Sự giảm độ dẻo chuẩn hay lượng nước yêu cầu của xi măng khi đưa vào các loại phụ gia đặc biệt
28. Độ ổn định thể tích của xi măng	Tính chất của xi măng trong quá trình đóng rắn tạo thành đá xi măng mà mẫu thử của nó không được phép biến dạng hoặc phá huỷ so với mức chuẩn
29. Sự hydrat hoá xi măng	Tác động tương hỗ hoá học của xi măng với nước tạo thành tinh thể ngậm nước
30. Độ toả nhiệt của xi măng	Lượng nhiệt toả ra khí hydrat hoá xi măng
31. Sự đông kết xi măng	Sự mất độ linh động không thuận nghịch của hồ xi măng do hydrat hoá
32. Thời gian đông kết xi măng	Thời hạn bắt đầu và kết thúc đông kết xi măng xác định trong điều kiện chuẩn
33. Sự đông kết giá của xi măng	Sự đông kết giá xi măng trước thời hạn, được khắc phục bằng tác động cơ học
34. Mác xi măng	Ký hiệu qui ước biểu thị giới hạn bền khi nén tối thiểu của mẫu vữa xi măng chuẩn, được chế tạo, đóng rắn và thử trong các điều kiện, vào những thời hạn kết thúc qui định trong tiêu chuẩn
35. Hoạt tính của xi măng	Giới hạn độ bền khi nén thực tế của mẫu vữa xi măng chuẩn, được đóng rắn và thử trong điều kiện và thời hạn đã qui định trong tiêu chuẩn
36. Độ bền sunfat của xi măng	Khả năng của đá xi măng chịu được tác động phá hoại của các sunfat hoà tan
37. Sự tự ứng suất của xi măng	Khả năng của đá xi măng gây ứng suất cho cốt thép đặt trong xi măng
38. Sự nở của xi măng	Sự tăng các kích thước độ dài của đá xi măng khi đóng rắn
39. Sự co ngót của xi măng	Sự giảm các kích thước độ dài của xi măng khi đóng rắn